

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99/2019/QĐST-HNGĐ

Diễn Châu, ngày 30 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: xóm 2, xã DP, huyện D, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Chu Thị D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: xóm 2, xã DP, huyện D, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn H và chị Chu Thị D kết hôn với nhau ngày 04/11/2005, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DP, huyện D, tỉnh Nghệ An. Như vậy, hôn nhân giữa anh H và chị D là hôn nhân hợp pháp.

[2] Về tình trạng hôn nhân: vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung

đột, hai bên gia đình nội ngoại đã đứng ra hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Hòa giải viên Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện D đã kiên trì hòa giải nhưng vợ chồng không thống nhất đoàn tụ mà đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, thỏa thuận ly hôn của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần căn cứ các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn H và chị Chu Thị D.

[3] Về con chung: vợ chồng có 04 con chung. Cháu đầu là Phạm Thành H1, sinh ngày 14/10/2006; cháu thứ hai là Phạm Thị Vân H2, sinh ngày 22/12/2007; cháu thứ ba là Phạm Như Q, sinh ngày 23/9/2011; cháu thứ tư là Phạm Gia H3, sinh ngày 10/10/2012. Sau khi hòa giải, vợ chồng thống nhất giao cả 04 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.250.000 đồng đối với mỗi con chung kể từ tháng 8/2019 cho đến khi các con chung trưởng thành. Xét thấy thỏa thuận của vợ chồng về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với lợi ích của con chung, phù hợp quy định của pháp luật. Cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của các đương sự.

[4] Về tài sản chung: vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: vợ chồng thống nhất thỏa thuận anh H chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn H và chị Chu Thị D.

- Về con chung: Giao bốn con chung là có 04 con chung là Phạm Thành H1, sinh ngày 14/10/2006; Phạm Thị Vân H2, sinh ngày 22/12/2007; Phạm Như Q, sinh

ngày 23/9/2011; Phạm Gia H3, sinh ngày 10/10/2012 cho anh Phạm Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Chu Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.250.000 đồng đối với mỗi con chung kể từ tháng 8/2019 cho đến khi các con chung trưởng thành.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Văn H chịu 300.000 đồng Lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu số 0004722 ngày 22/7/2019. Anh H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND huyện D;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện D;
- UBND xã DP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)

Bạch Hưng Thành